

# HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM



## MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CỰU CHIẾN BINH VÀ HỘI VIÊN HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

TẬP I

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

HÀ NỘI, NĂM 2022

## **CHỈ ĐẠO**

**Thường trực Trung ương Hội CCB Việt Nam**

## **THỰC HIỆN**

**Lê Khương Mỹ**

**Hoàng Tiến Mai**

**Ngô Công Đoàn**

## LỜI NÓI ĐẦU

Căn cứ quy định tại Điều 7 Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc Hội Cựu chiến binh Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách; phối hợp hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách; kiểm tra, giám sát và phối hợp giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh.

Thường trực Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam chỉ đạo phát hành (tái bản) cuốn: **“MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CỰU CHIẾN BINH VÀ HỘI VIÊN HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM-TẬP 1”**.

***Tài liệu có 02 phần:***

**Phần I:** Một số văn bản về chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh

**Phần II:** Một số văn bản của Trung ương Hội quy định trợ giúp đối với hội viên Hội Cựu chiến binh có khó khăn.

Tài liệu (tái bản) được bổ sung Văn bản số 72/CCB-TCCS ngày 03/8/2022 hướng dẫn sử dụng các loại mẫu ban hành kèm theo Hướng dẫn số 77/HD-CCB ngày 18/01/2021 của Trung ương Hội; Mẫu số 12-CCB “Bản khai đề nghị hưởng chế độ mai táng phí khi Cựu chiến binh từ trần” tương tự Mẫu số 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

Tài liệu được phát hành đến Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, thành phố và cấp huyện, quận; Hội Cựu chiến binh gửi tài liệu đến Cơ quan quân sự địa phương; Cơ quan Lao động-Thương binh và Xã hội và Cơ quan Bảo hiểm Xã hội cùng cấp để phối hợp thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh.

Đề nghị các đồng chí giữ gìn, bảo quản để sử dụng lâu dài.

**BAN BIÊN TẬP**

## MỤC LỤC

TT	TÊN TÀI LIỆU	TRANG
	<b>PHẦN I</b> <b>Một số văn bản về chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh</b>	3
01	Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2020 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ	4
02	Hướng dẫn số 97/CCB-TCCS ngày 18/01/2021 của Trung ương Hội CCB Việt Nam về thực hiện chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH	7
03	Hướng dẫn số 72/CCB-TCCS ngày 03/8/2022 của Ban Tổ chức-Chính sách về sử dụng các loại mẫu ban hành kèm theo Hướng dẫn số 97/HD-CCB ngày 18/01/2021 của Trung ương Hội CCB Việt Nam	14
	<b>PHẦN II</b> <b>Một số văn bản về việc hỗ trợ hội viên Hội CCB khó khăn</b>	29
04	Quy định số 112/QĐ-CCB ngày 21/06/2018 về chế độ thăm người ốm; tổ chức đoàn viếng người từ trần của Trung ương Hội CCB Việt Nam	30
05	Quyết định số 1162/QĐ-CCB ngày 22/12/2021 của Trung ương Hội về trợ giúp hội viên Hội CCB Việt Nam khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn	33
06	Quyết định số 1163/QĐ-CCB ngày 22/12/2021 của Trung ương Hội về việc hỗ trợ hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam từ trần do Covid-19	39
07	Công văn số 165/CCB ngày 19/5/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về việc tạm dừng thực hiện hỗ trợ đối với hội viên Hội CCB có khó khăn và hội viên Hội CB từ trần do Covid-19	45

# **HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM**

## **PHẦN I**

### **MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CỰU CHIẾN BINH**

Số: 03/2020/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2020

## **THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh**

*Căn cứ Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Sau khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Người có công;*

*Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh về chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí và chế độ trợ cấp khi thôi làm công tác Hội (sau đây viết tắt là Nghị định số 157/2016/NĐ-CP).

### **Điều 2. Chế độ bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP**

1. Chế độ bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế.

2. Trình tự xác định, quản lý và cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh thực hiện theo quy định tại Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

**Điều 3. Chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP**

1. Cựu chiến binh khi từ trần, nếu không thuộc đối tượng hưởng chế độ mai táng phí theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và Luật Bảo hiểm xã hội thì người tổ chức mai táng được hưởng mai táng phí bằng mức trợ cấp mai táng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành.

2. Hồ sơ, thủ tục xét hưởng chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh từ trần thực hiện tương tự như đối với người có công với cách mạng theo quy định tại Điều 39 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.

**Điều 4. Chế độ trợ cấp khi thôi công tác Hội Cựu chiến binh quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP**

1. Đối tượng hưởng trợ cấp thôi công tác Hội:

Cựu Chiến binh đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng hàng tháng, khi thôi làm công tác Hội được hưởng trợ cấp thôi công tác Hội, gồm các đối tượng sau:

a) Cựu chiến binh được bầu cử, bổ nhiệm, tuyển dụng tham gia công tác tại cơ quan Hội Cựu chiến binh từ Trung ương đến cấp huyện;

b) Cựu chiến binh là Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã;

c) Cựu chiến binh là Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã;

2. Cách tính trợ cấp thôi công tác Hội:

a) Đối tượng tại điểm a và b Khoản 1 Điều 5 Thông tư này

Cứ mỗi năm tham gia công tác Hội được hưởng trợ cấp một lần bằng nửa (1/2) tháng lương hiện hưởng. Lương hiện hưởng là tháng lương cuối cùng tại cấp Hội nơi đang công tác (không tính phụ cấp đảng, đoàn thể chính trị - xã hội và phụ cấp công vụ), gồm: mức lương theo chức danh, cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có), cộng 5% mức lương tái cử, tái bổ nhiệm theo quy định tại Hướng dẫn số 05-HD/BTCTW ngày 01 tháng 7 năm 2011 của Ban Tổ chức Trung ương (nếu có). Cách tính như sau:

$$\text{Trợ cấp thôi công tác Hội} = \frac{\text{Lương theo chức danh + Phụ cấp chức vụ (nếu có) + 5\% mức lương tái cử, tái bổ nhiệm (nếu có)}}{2} \times \text{Số năm công tác}$$

b) Đối với Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã

Cứ mỗi năm tham gia công tác Hội được hưởng trợ cấp thôi công tác Hội bằng nửa (1/2) tháng phụ cấp hiện hưởng. Cách tính như sau:

$$\text{Trợ cấp thôi công tác Hội} = \frac{\text{Phụ cấp hiện hưởng hàng tháng}}{2} \times \text{Số năm công tác}$$

c) Số năm công tác để tính trợ cấp một lần là tổng thời gian từ khi có quyết định tham gia công tác Hội (được bầu cử, bổ nhiệm, tuyển dụng) đến khi có quyết định thôi công tác Hội của cấp có thẩm quyền. Trường hợp Cựu chiến

binh có thời gian tham gia đứt quãng thì được cộng dồn; nếu có tháng lẻ thì từ đủ 6 tháng trở lên được tính bằng 1 năm, dưới 6 tháng được tính bằng 1/2 năm.

### 3. Thẩm quyền ra quyết định thôi công tác Hội:

a) Căn cứ ý kiến (bằng văn bản) của cấp ủy có thẩm quyền (theo phân cấp) về việc bổ nhiệm, tuyển dụng, nghỉ công tác đối với Cựu chiến binh tham gia công tác Hội. Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh (hoặc Thường trực Hội Cựu chiến binh) cấp có thẩm quyền chuẩn y kết quả bầu cử, bổ nhiệm, tuyển dụng cán bộ tham gia công tác Hội thì Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp đó ra quyết định thôi công tác Hội đối với cán bộ.

b) Tổ chức Hội Cựu chiến binh các cấp có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi công tác Hội cho cán bộ cấp mình quản lý khi Cựu chiến binh có quyết định thôi công tác Hội của cấp có thẩm quyền.

### **Điều 5. Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách**

1. Kinh phí thực hiện chế độ chính sách quy định tại Thông tư này do ngân sách nhà nước đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

2. Các quy định tại Điểm 1, Điểm 2, Điểm 5 và Điểm 6 Mục II Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BLĐTĐBXH-HCCBVN-BTC-BQP ngày 25 tháng 7 năm 2007 của liên Bộ: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Bộ Tài chính và Bộ Quốc phòng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì nội dung dẫn chiếu cũng được điều chỉnh thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

### **Điều 7. Trách nhiệm thi hành**

1. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Hội Cựu chiến binh Việt Nam chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách; hướng dẫn tổ chức thực hiện chế độ, chính sách; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giải quyết các vướng mắc, phát sinh theo thẩm quyền.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, giải quyết./.

**BỘ TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Đào Ngọc Dung**



Số: 97/HD-CCB

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2021

## HƯỚNG DẪN

### **Thực hiện chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội**

Ngày 25 tháng 02 năm 2020 Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Cựu chiến binh (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH). Ngày 31 tháng 12 năm 2020, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 30/2020/TT-BYT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (sau đây viết tắt là Thông tư số 30/2020/TT-BYT).

Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 30/2020/TT-BYT có nội dung và ý nghĩa quan trọng, làm căn cứ để các cấp Hội Cựu chiến binh tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí và chế độ trợ cấp thôi công tác Hội. Căn cứ ý kiến thống nhất của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (tại Công văn số 3878/LĐTBXH-NCC ngày 02/10/2020); Bộ Y tế (tại Công văn số 4532/BHYT-BH ngày 25/08/2020); Bộ Quốc phòng (tại Công văn số 2987/BQP-CT ngày 15/08/2020); Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (tại Công văn số 2639/BHXH-CSYT ngày 19/08/2020). Để triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với cựu chiến binh theo Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH đảm bảo chặt chẽ, thống nhất, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam hướng dẫn một số nội dung sau:

#### **I. ĐỐI TƯỢNG LÀ CỰU CHIẾN BINH**

Đối tượng là Cựu chiến binh được quy định tại Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh (sau đây viết tắt là Nghị định số 150/2006/NĐ-CP); được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 157/2016/NĐ-CP) có các nhóm đối tượng sau:

#### **1. Cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Pháp**

Quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, gồm:

a) Cán bộ, chiến sĩ các đơn vị vũ trang do Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức trước cách mạng tháng Tám năm 1945 như Đội Tự vệ đỏ, du kích Ba Tơ, du kích Bắc Sơn, Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân;

b) Đội viên đội công tác vũ trang hoạt động trong vùng địch tạm chiếm ở miền Bắc từ ngày 20 tháng 07 năm 1954 trở về trước;

c) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân viên quốc phòng nhập ngũ (tuyển dụng) từ ngày 20 tháng 07 năm 1954 trở về trước;

## **2. Cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Mỹ**

Quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP, gồm:

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân viên quốc phòng nhập ngũ (tuyển dụng) từ ngày 30 tháng 04 năm 1975 trở về trước;

b) Cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, du kích tập trung ở miền Bắc từ ngày 27 tháng 01 năm 1973 trở về trước, đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu ở đơn vị tập trung theo quyết định thành lập hoặc giao nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

c) Cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, du kích ở miền Nam từ ngày 30 tháng 04 năm 1975 trở về trước, đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu theo sự quản lý, phân công hoặc giao nhiệm vụ của tổ chức, cơ sở cách mạng có thẩm quyền;

## **3. Cựu chiến binh tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30 tháng 04 năm 1975**

Quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP, gồm:

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân viên quốc phòng đã tham gia chiến đấu, làm nhiệm vụ quốc tế, trực tiếp phục vụ chiến đấu trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu ở đơn vị tập trung theo quyết định thành lập hoặc giao nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền sau ngày 30 tháng 04 năm 1975;

c) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nhập ngũ từ sau ngày 30 tháng 04 năm 1975, đã hoàn thành nhiệm vụ tại ngũ trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã phục viên, nghỉ hưu, chuyển ngành.

## **II. GIẤY TỜ XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG LÀ CỰU CHIẾN BINH**

Giấy tờ làm căn cứ xác định đối tượng là cựu chiến binh được quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 30/2020/TT-BYT, cụ thể:

**1. Cựu chiến binh phục viên, xuất ngũ (thôi việc) căn cứ một trong các giấy tờ sau đây:**

- a) Quyết định phục viên, xuất ngũ (thôi việc);
- b) Lý lịch cán bộ, hoặc bản Trích yếu 63 đối với sĩ quan;
- c) Lý lịch quân nhân;
- d) Thẻ quân nhân;
- đ) Phiếu quân nhân;
- e) Lý lịch công nhân viên quốc phòng;
- f) Lý lịch đảng viên;

Các giấy tờ nêu trên được lập từ trước ngày cựu chiến binh phục viên, xuất ngũ (thôi việc);

g) Quyết định hưởng trợ cấp của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại một trong các văn bản sau đây:

- Nghị định số 500-NĐ/LB ngày 12 tháng 11 năm 1958 của liên Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Cứu tế Xã hội quy định thể lệ trợ cấp dài hạn cho những quân nhân tình nguyện được phục viên vì ốm yếu mà không có khả năng lao động (sau đây viết tắt là Nghị định số 500-NĐ/LB);

- Nghị định số 111-NĐ ngày 22 tháng 06 năm 1957 của Bộ Quốc phòng quy định cụ thể những khoản trợ cấp cho quân nhân phục viên (sau đây viết tắt là Nghị định số 111-NĐ);

- Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 04 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ 31 tháng 12 năm 1960 trở về trước (sau đây viết tắt là Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg);

- Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (sau đây viết tắt là Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg);

- Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg (sau đây viết tắt là Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg);

- Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (sau đây viết tắt là Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg);

- Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 05 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg (sau đây viết tắt là Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg);

- Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (sau đây viết tắt là Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg).

## **2. Cựu chiến binh nghỉ hưu, hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng:**

Căn cứ Quyết định hưởng chế độ hưu trí hàng tháng hoặc Quyết định hưởng chế độ bảo hiểm xã hội hàng tháng do cơ quan có thẩm quyền cấp.

## **3. Cựu chiến binh đã chuyển ngành căn cứ một trong các giấy tờ sau đây:**

- a) Quyết định phục viên, xuất ngũ (thôi việc), chuyển ngành;
- b) Lý lịch cán bộ, hoặc bản Trích yếu 63 đối với sĩ quan;
- c) Lý lịch quân nhân;
- d) Thẻ quân nhân;
- đ) Phiếu quân nhân;
- e) Lý lịch công nhân viên quốc phòng;
- đ) Lý lịch đảng viên

Các giấy tờ tại Điểm 1, Điểm 2 và Điểm 3 nêu trên được lập từ trước ngày cựu chiến binh phục viên, nghỉ hưu, chuyển ngành.

## **4. Trường hợp cựu chiến binh bị mất hồ sơ, giấy tờ**

Cựu chiến binh bị mất hồ sơ, giấy tờ nhưng có một trong các giấy tờ sau đây được sử dụng làm căn cứ xác định đối tượng là cựu chiến binh:

- a) Giấy tờ liên quan, có nội dung chứng minh là cựu chiến binh
  - Quyết định nhập ngũ (áp dụng đối với hạ sĩ quan, binh sĩ nhập ngũ từ ngày 30 tháng 04 năm 1975 về trước);
  - Quyết định tuyển dụng (áp dụng đối với công nhân viên quốc phòng tuyển dụng từ ngày 30 tháng 04 năm 1975 về trước);
  - Quyết định hoặc phong thăng quân hàm (áp dụng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nhập ngũ các thời kỳ);
  - Quyết định điều động công tác, bổ nhiệm chức vụ; giao nhiệm vụ; giấy tờ khen thưởng thành tích trong kháng chiến, khen thưởng trong chiến đấu; văn bản xác nhận là cựu chiến binh của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú theo quy định tại Điểm b, Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP (áp dụng đối với đối tượng có giấy tờ lập trước ngày 29 tháng 12 năm 2006 có nội dung chứng minh là cựu chiến binh).

b) Cựu chiến binh nhập ngũ sau ngày 30 tháng 04 năm 1975, có thời gian chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu, nhưng bị mất hồ sơ, giấy tờ thể hiện là cựu chiến binh: Giấy xác nhận quá trình công tác của đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc do Thủ trưởng đơn vị nơi đối tượng đã công tác cấp theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 11 năm 2012 của liên tịch Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg;

c) Cựu chiến binh nhập ngũ sau ngày 30 tháng 04 năm 1975, có thời gian chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu có hồ sơ, giấy tờ nhưng không ghi rõ thời gian, đơn vị, địa bàn xảy ra chiến sự: Bản trích lục giải mã đơn vị, thời gian, địa bàn xảy ra chiến sự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc do Thủ trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi cựu chiến binh cư trú cấp theo Hướng dẫn số 3386/LC-CTC-CCS ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Liên Cục Tác chiến- Cục Chính sách hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2084/QĐ-BTTM ngày 09 tháng

11 năm 2012 của Tổng Tham mưu trưởng về việc ban hành Danh mục địa bàn, thời gian, đơn vị trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30 tháng 04 năm 1975.

**5. Giấy tờ xác định đối tượng là cựu chiến binh tại Điểm 1, Điểm 2, Điểm 3 và Điểm 4 Phần II hướng dẫn này** là bản chính do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp lần đầu, hoặc là bản sao từ bản chính theo quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

### **III. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CỰU CHIẾN BINH**

#### **1. Việc chuyển đổi mức hưởng bảo hiểm y tế đối với cựu chiến binh**

a) Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 30/2020/TT-BYT, người có giấy tờ xác định là cựu chiến binh nhưng mã ký tự thể hiện mức hưởng ghi trên thẻ bảo hiểm y tế chưa theo đối tượng cựu chiến binh thì được chuyển đổi mã quyền lợi của đối tượng cựu chiến binh trong các trường hợp sau:

- Cựu chiến binh phục viên, xuất ngũ đang có thẻ bảo hiểm y tế ghi mã quyền lợi số 4, được đổi sang mã số 2.

- Cựu chiến binh hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, đang có thẻ bảo hiểm y tế ghi mã quyền lợi số 3 được đổi sang mã số 2;

- Cựu chiến binh chuyên ngành, đang công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có thẻ bảo hiểm y tế ghi mã quyền lợi số 4 được đổi sang mã số 2;

b) Về thủ tục chuyển đổi mức hưởng bảo hiểm y tế: Cựu chiến binh, hoặc cơ quan quản lý cựu chiến binh, liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện nơi đang công tác hoặc nơi cư trú để được hướng dẫn, giải quyết.

#### **2. Chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh khi từ trần**

a) Cựu chiến binh phục viên, xuất ngũ có giấy tờ xác định là cựu chiến binh khi từ trần thì thân nhân, hoặc người tổ chức mai táng được hưởng trợ cấp mai táng theo mức quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội hiện hành.

b) Hồ sơ xét hưởng chế độ mai táng phí thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 05 năm 2013 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân, gồm:

- Bản khai của đại diện thân nhân, hoặc người tổ chức mai táng theo mẫu của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;

- Giấy chứng tử;

- Một trong các giấy tờ xác định là cựu chiến binh tại Điểm 1 Phần II hướng dẫn này;

- Giấy ủy quyền theo mẫu của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (trường hợp Cựu chiến binh từ trần có nhiều thân nhân).

c) Trách nhiệm giải quyết: Thân nhân cựu chiến binh liên hệ với công chức Lao động-Thương binh và Xã hội cấp xã, hoặc Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã để được hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ và nhận tiền trợ cấp mai táng phí.

### **3. Chế độ trợ cấp khi thôi công tác Hội**

a) Đối tượng được hưởng trợ cấp thôi công tác Hội quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH, phải có các điều kiện sau:

- Là cựu chiến binh đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng hàng tháng;

- Là cựu chiến binh được bầu cử là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã; cựu chiến binh được tuyển dụng, bổ nhiệm tham gia công tác tại cơ quan Hội Cựu chiến binh các cấp từ Trung ương đến cấp huyện;

b) Giải thích từ ngữ:

- Cựu chiến binh đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng gồm các đối tượng sau: Cựu chiến binh đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 236-HĐBT ngày 18 tháng 09 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về bổ sung, sửa đổi một số chế độ, chính sách thương binh và bảo hiểm xã hội; cựu chiến binh phục viên, xuất ngũ đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại một trong các văn bản: Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg.

- Cựu chiến binh đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng là đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng, gồm: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; thương binh; bệnh binh; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.

b) Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh (hoặc Thường trực Hội Cựu chiến binh) cấp có thẩm quyền chuẩn y kết quả bầu cử, bổ nhiệm, tuyển dụng cán bộ tham gia công tác Hội thì Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp đó có trách nhiệm ra quyết định thôi công tác Hội đối với cán bộ.

c) Quyết định thôi công tác Hội của cấp có thẩm quyền phải thể hiện số năm công tác; lương chức danh, phụ cấp chức vụ, phụ cấp 5% mức lương tái cử, tái bổ nhiệm (nếu có) làm căn cứ tính hưởng trợ cấp thôi công tác Hội.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trách nhiệm của Ban Tổ chức-Chính sách Trung ương Hội**

a) Chủ trì biên tập tài liệu tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách; phối hợp kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện; đề xuất giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 30/2020/TT-BYT.

b) Phối hợp cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn mẫu đơn đề nghị; mẫu “Giấy xác nhận cựu chiến binh” tại Điểm 4 Phần II hướng dẫn.

## **2. Trách nhiệm của Hội Cựu Chiến binh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

a) Chỉ đạo các tổ chức Hội thuộc quyền quán triệt và triển khai thực hiện hướng dẫn của Trung ương Hội;

b) Phối hợp cơ quan Lao động-Thương binh và Xã hội, cơ quan Quân sự, cơ quan Bảo hiểm xã hội cùng cấp tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH;

c) Chỉ đạo Hội Cựu chiến binh cấp xã phối hợp triển khai thực hiện quy định tại Điểm b, Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP:

- Chủ trì tiếp nhận đơn của cựu chiến binh bị mất giấy tờ; phối hợp Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã xem xét, xác minh đơn đề nghị và giấy tờ có liên quan, nếu đủ điều kiện theo quy định tại Điểm 4 Phần II hướng dẫn này, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp “Giấy xác nhận cựu chiến binh”;

- Chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của giấy tờ đề nghị xác nhận cựu chiến binh; nếu giấy tờ không đúng quy định thì trả lại; thông báo bằng văn bản cho cá nhân biết lý do;

- Phối hợp công chức Lao động-Thương binh và Xã hội cấp xã và Chỉ huy quân sự cấp xã thống nhất quản lý số liệu cựu chiến binh; đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

## **3. Trách nhiệm của Hội Cựu Chiến binh các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương (Hội Cựu chiến binh Khối 487)**

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 30/2020/TT-BYT và hướng dẫn của Trung ương Hội đến hội viên cựu chiến binh;

b) Phối hợp cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện trên địa bàn đề được hướng dẫn về thủ tục chuyển đổi mức hưởng bảo hiểm y tế đối với cựu chiến binh theo Điểm 1 Phần III hướng dẫn.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị Hội Cựu chiến binh các cấp phản ánh về Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam (qua Ban Tổ chức-Chính sách) để được xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền hướng dẫn giải quyết./.

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Được**

## HƯỚNG DẪN

**Sử dụng các loại mẫu ban hành kèm theo Hướng dẫn số 97/HD-CCB ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam**

Sau gần 02 năm thực hiện Hướng dẫn số 97/HD-CCB ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Cựu chiến binh các cấp đã phối hợp Cơ quan quân sự, Cơ quan Lao động-Thương binh và Xã hội và Cơ quan Bảo hiểm xã hội cùng cấp thực hiện tốt hơn các chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội<sup>1</sup>

Tuy vậy, thông qua báo cáo kết quả tự kiểm tra, giám sát; Hội Cựu chiến binh các tỉnh, thành phố phản ánh: về hồ sơ, thủ tục xác nhận Cựu chiến binh; thủ tục đổi mã thẻ bảo hiểm y tế và lập bản khai trợ cấp mai táng khi Cựu chiến binh từ trần còn khó khăn, vướng mắc; đề nghị Trung ương Hội có hướng dẫn chi tiết sử dụng các loại mẫu ban hành kèm theo Hướng dẫn số 97/HD-CCB để thuận tiện cho cơ quan, tổ chức và Cựu chiến binh trong quá trình thực hiện.

Xuất phát từ lý do và đề xuất kiến nghị của Hội Cựu chiến binh nêu trên. Ban Tổ chức-Chính sách, Trung ương Hội hướng dẫn chi tiết sử dụng các loại mẫu ban hành kèm theo Hướng dẫn số 97/HD-CCB như sau:

### **1. Mẫu số 01A-CCB: “Đơn đề nghị xác nhận cựu chiến binh”**

Dùng cho người bị thất lạc hồ sơ nhưng giữ được giấy tờ liên quan, có căn cứ xác nhận là cựu chiến binh; nay đề nghị Hội Cựu chiến binh và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú cấp “Giấy xác nhận cựu chiến binh” theo quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP và được hướng dẫn chi tiết tại Điểm a Khoản 4 Phần II, Hướng dẫn số 97/HD-CCB.

### **2. Mẫu số 01B-CCB: “Giấy xác nhận cựu chiến binh”**

Mẫu này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp cho người bị thất lạc hồ sơ, nhưng còn giữ được giấy tờ có liên quan, có căn cứ xác nhận là Cựu chiến binh, nay đề nghị xác nhận Cựu chiến binh theo quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP và được hướng dẫn chi tiết tại Điểm a Khoản 4 Phần II, Hướng dẫn số 97/HD-CCB.

---

<sup>1</sup> Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP<sup>1</sup> ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh.



### **3. Mẫu số 02-CCB dùng cho người bị mất giấy tờ làm “Đơn đề nghị xác nhận quá trình công tác trong quân đội”**

a) Mẫu này dùng cho người nhập ngũ sau ngày 30/04/1975 có thời gian chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu, khi phục viên, xuất ngũ (hoặc chuyển ngành) là hạ sĩ quan, binh sĩ; hoặc là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, xuất ngũ (hoặc chuyển ngành) bị mất giấy tờ; nay làm đơn đề nghị cơ quan, đơn vị cũ xác nhận quá trình công tác để làm căn cứ xác nhận là Cựu chiến binh quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05/11/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg;

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị từ cấp Trung đoàn, Ban Chỉ huy Quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố (cấp huyện, quận) trở lên, căn cứ hồ sơ đang lưu giữ, cấp “Giấy xác nhận quá trình công tác của đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc” cho đối tượng theo mẫu quy định của Bộ Quốc phòng; được sử dụng làm căn cứ xác nhận là Cựu chiến binh.

### **4. Mẫu số 03-CCB: “Đơn đề nghị trích lục, giải mã đơn vị, thời gian địa bàn xảy ra chiến sự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc”**

a) Dùng cho quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng nhập ngũ (hoặc tuyển dụng) sau ngày 30/4/1975, có thời gian chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu, có hồ sơ, giấy tờ nhưng không ghi rõ thời gian, đơn vị, địa bàn xảy ra chiến sự; nay làm đơn đề nghị cấp “Bản trích lục giải mã đơn vị, thời gian, địa bàn xảy ra chiến sự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc” theo quy định tại Hướng dẫn số 3386/LC-CTC-CCS ngày 15/11/2012 của Liên Cục Tác chiến-Cục Chính sách.

b) “Bản trích lục giải mã đơn vị, thời gian, địa bàn xảy ra chiến sự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc” do Thủ trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh, thành phố (cấp huyện, quận); hoặc Bộ Chỉ huy Quân sự cấp tỉnh, thành phố cấp theo mẫu quy định của Bộ Quốc phòng; được sử dụng làm căn cứ xác nhận là Cựu chiến binh.

### **5. Mẫu số 04-CCB: “Bản tính hưởng trợ cấp thôi công tác Hội Cựu chiến binh”**

Dùng cho Hội Cựu chiến binh (nơi quản lý cán bộ nghỉ công tác Hội) tính hưởng trợ cấp thôi công tác Hội. Người phụ trách công tác cán bộ, chính sách, tài chính của Hội Cựu chiến binh trao đổi với cán bộ thôi công tác Hội về số năm tham gia công tác Hội; cách tính hưởng trợ cấp; số tiền trợ cấp được hưởng trước khi trình Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp có thẩm quyền ký “Quyết định về việc trợ cấp thôi công tác Hội Cựu chiến binh”.

### **6. Mẫu số 05-CCB: “Quyết định về việc trợ cấp thôi công tác Hội Cựu chiến binh”**

Dùng cho Chủ tịch, hoặc Thường trực (thay mặt Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh) cấp có thẩm quyền chuẩn y kết quả bầu cử, bổ nhiệm, tuyển dụng cán bộ tham gia công tác Hội ký “Quyết định về việc trợ cấp thôi công tác Hội Cựu chiến binh”.

## **7. Hồ sơ, thủ tục xét hưởng chế độ mai táng phí**

Hồ sơ, thủ tục xét hưởng chế độ mai táng phí Cựu chiến binh từ trần thực hiện tương tự như đối với người có công. Được quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và Điều 122 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng. Cụ thể:

a) Thân nhân của Cựu chiến binh lập “Bản khai đề nghị hưởng trợ cấp mai táng phí khi cựu chiến binh từ trần” theo Mẫu số 12-CCB tương tự Mẫu số 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Giấy tờ kèm theo, có:

- Bản sao được chứng thực từ Giấy báo tử hoặc Bản trích lục khai tử;  
- Một trong các giấy tờ (bản sao) làm căn cứ xác nhận Cựu chiến binh quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Y tế hướng dẫn thi hành một số điều của của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (Trung ương Hội hướng dẫn chi tiết tại Khoản 1, 2, 3 và Khoản 4 Phần II Hướng dẫn số 97/HD-CCB).

b) Thân nhân gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, phường xác nhận bản khai và lập danh sách gửi Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội kiểm tra, lập danh sách đề nghị Sở Lao động-Thương binh và Xã hội giải quyết trợ cấp mai táng phí theo quy định.

Hướng dẫn này thay thế Công văn số 03/CCB-TCCS ngày 20/01/2021 của Ban Tổ chức-Chính sách về việc thực hiện Hướng dẫn số 97/HD-CCB.

Đề nghị Hội Cựu chiến binh các cấp phối hợp chặt chẽ với Cơ quan quân sự, Cơ quan Lao động-Thương binh và Xã hội và Cơ quan Bảo hiểm xã hội cùng cấp để tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách; giải quyết các vướng mắc phát sinh; tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cấp Hội phản ánh về Ban Tổ chức-Chính sách, Trung ương Hội để được xem xét, hướng dẫn giải quyết./.

### ***Nơi nhận:***

- Thường trực TW Hội;
- Hội CCB các tỉnh, TP (63);
- Bộ CHQS các tỉnh, TP (63);
- Sở LĐTB&XH các tỉnh, TP (63);
- BHXH các tỉnh, TP (63);
- Hội CCB Khối 487 ở TW (47);
- Hiệp hội DN CCB VN;
- Các Ban, Văn phòng;
- Báo CCB VN;
- Lưu: VT, Ban TCCS (Đ 320b).

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ BAN**

**Hoàng Tiến Mai**

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC LOẠI MẪU BIỂU**  
**(kèm theo Hướng dẫn số 97/HD-CCB)**

<b>SỐ TT</b>	<b>KÝ HIỆU</b>	<b>TÊN MẪU</b>
<b>1</b>	MẪU SỐ 1A-CCB	ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN CỰU CHIẾN BINH
<b>2</b>	MẪU SỐ 1B-CCB	GIẤY XÁC NHẬN CỰU CHIẾN BINH
<b>3</b>	MẪU SỐ 02-CCB	ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC TRONG QUÂN ĐỘI
<b>4</b>	MẪU SỐ 03-CCB	ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRÍCH LỤC, GIẢI MÃ ĐƠN VỊ, THỜI GIAN, ĐỊA BÀN XẢY RA CHIẾN SỰ TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC
<b>5</b>	MẪU SỐ 04-CCB	BẢN TÍNH HƯỞNG TRỢ CẤP THÔI CÔNG TÁC HỘI CCB
<b>6</b>	MẪU SỐ 05-CCB	QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC TRỢ CẤP THÔI CÔNG TÁC HỘI CỰU CHIẾN BINH
<b>7</b>	MẪU SỐ 12-CCB	BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ HƯỞNG TRỢ CẤP MAI TÁNG PHÍ KHI CỰU CHIẾN BINH TỪ TRẦN

Mẫu số 01A-CCB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN CỰU CHIẾN BINH**  
(Ban hành kèm theo Công văn số: 03/CCB-TCCS)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn  
.....<sup>(1)</sup>

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên: .....sinh ngày:.....
2. Chứng minh thư hoặc thẻ căn cước công dân: .....  
ngày cấp.....nơi cấp.....
3. Quê quán: .....
4. Nơi cư trú: .....
5. Điện thoại liên hệ: .....
6. Thuộc đối tượng: bị mất hồ sơ, giấy tờ khi về phục viên, xuất ngũ nhưng còn 01 trong các giấy tờ liên quan sau đây (đánh dấu x vào ô vuông  dưới đây)<sup>2</sup>:
  - a) Quyết định nhập ngũ (áp dụng đối với hạ sĩ quan, binh sĩ nhập ngũ từ ngày 30 tháng 04 năm 1975 về trước)
  - b) Quyết định tuyển dụng (áp dụng đối với công nhân viên quốc phòng tuyển dụng từ ngày 30 tháng 04 năm 1975 về trước)
  - c) Quyết định điều động công tác, bổ nhiệm chức vụ, giao nhiệm vụ (áp dụng đối với người nhập ngũ từ ngày 30 tháng 04 năm 1975 về trước)
  - d) Giấy tờ khen thưởng thành tích trong kháng chiến (áp dụng đối với người nhập ngũ từ ngày 30 tháng 04 năm 1975 về trước);
  - đ) Giấy tờ khen thưởng có thành tích trong chiến đấu (áp dụng đối với người nhập ngũ trước hoặc sau ngày 30 tháng 04 năm 1975)
  - e) Quyết định phong, thăng quân hàm (áp dụng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nhập ngũ trước hoặc sau ngày 30 tháng 04 năm 1975)
  - f) Giấy xác nhận được phong, thăng quân hàm sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp do Thủ trưởng đơn vị cũ cấp, kèm theo bản sao y danh sách sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp cơ quan, đơn vị đang lưu giữ làm căn cứ xác nhận
  - g) Giấy tờ khác nếu có nội dung chứng minh là cựu chiến binh

<sup>1</sup> Ghi tên xã, phường, thị trấn địa phương người làm đơn đang cư trú;

<sup>2</sup> Giấy tờ có liên quan tại Điểm 6 Mục I là giấy tờ lập trước ngày 29/12/2006 (theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Thông tư số 30/2020/TT-BYT).

**II. TỰ KHAI QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC TRONG QUÂN ĐỘI**

(Từ ngày nhập ngũ, tuyển dụng đến khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành)

Từ tháng, năm (1)	Đến tháng, năm (2)	Cấp bậc, chức vụ (3)	Đơn vị (c, d, e, f) (4)	Địa bàn công tác (xã, huyện, tỉnh) (5)

**III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ**

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn: .....

.....

xác nhận Cựu chiến binh theo quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ và gạch đầu dòng thứ nhất, Điểm d Khoản 3 Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế.

Tôi cam đoan nội dung tự khai nêu trên hoàn toàn đúng sự thật; nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

XÁC NHẬN CỦA  
CHI HỘI CỰU CHIẾN BINH

.....  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng .... năm ....

NGƯỜI LÀM ĐƠN  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIẤY XÁC NHẬN CỰU CHIẾN BINH**

*Căn cứ Điểm b Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Cựu chiến binh;*

*Căn cứ Điểm b Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 30/2020/TT-BYT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Cựu chiến binh và Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn.....*

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

**Cấp Giấy xác nhận cựu chiến binh đối với người có tên dưới đây**

1. Họ và tên:.....sinh ngày.....
2. Chứng minh thư hoặc thẻ căn cước công dân: .....  
ngày cấp.....nơi cấp.....
3. Quê quán.....
4. Nơi cư trú: .....
5. Ngày nhập ngũ .....
6. Ngày phục viên, xuất ngũ (thôi việc): .....
7. Đơn vị khi phục viên, xuất ngũ (thôi việc) .....
8. Giấy tờ có nội dung chứng minh là cựu chiến binh làm căn cứ xác nhận, có:  
.....  
.....

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây đã kiểm tra kỹ hồ sơ đề nghị của đối tượng và cam đoan nội dung xác nhận cựu chiến binh nêu trên là đúng, nếu xác nhận sai, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

.....,ngày      tháng      năm 20....

**CHỦ TỊCH**  
**HỘI CỰU CHIẾN BINH**  
(ký, ghi rõ họ và tên)

**CHỈ HUY**  
**TRƯỞNG QUÂN SỰ**  
(ký, ghi rõ họ và tên)

**CHỦ TỊCH**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
(ký, đóng dấu)

Mẫu số 02-CCB  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC TRONG QUÂN ĐỘI**  
(Theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT-BQP-BLDTBXH-BTC)

Kính gửi:.....(1)

**I. TỰ KHAI THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên: .....sinh ngày: .....
2. Chứng minh thư hoặc thẻ căn cước công dân: .....  
ngày cấp.....nơi cấp.....
3. Quê quán: .....
4. Nơi cư trú: .....
5. Điện thoại liên hệ: .....
6. Tôi nhập ngũ sau ngày 30/04/1975, bị mất hồ sơ, giấy tờ (thuộc đối tượng dưới đây 
  - a) Có thời gian trực tiếp chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu; bị mất hồ sơ, giấy tờ
  - b) Là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp về phục viên, xuất ngũ; bị mất hồ sơ, giấy tờ

**II. TỰ KHAI QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC TRONG QUÂN ĐỘI**

(Từ ngày nhập ngũ, tuyển dụng đến khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành)

Từ tháng năm	Đến tháng năm	Cấp bậc, chức vụ	Đơn vị (c, d, e, f)	Địa bàn công tác (xã, huyện, tỉnh)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

### 3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

Căn cứ quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 05/01/2012 của Liên Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ; căn cứ Điểm d Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, tôi làm đơn này đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: .....

.....  
cấp cho tôi “Giấy xác nhận quá trình công tác của đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc sau ngày 30/04/1975” để được thực hiện chế độ, chính sách đối với cựu chiến binh.

Tôi cam đoan nội dung thông tin cá nhân trên hoàn toàn đúng sự thật.

Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

XÁC NHẬN  
CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN (2)  
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng .... năm ....  
NGƯỜI LÀM ĐƠN  
(Ký, ghi rõ họ tên)

#### **Ghi chú**

(1) Tên cơ quan, đơn vị quân đội đối tượng đã công tác, trước khi phục viên, xuất ngũ;

(2) Xác nhận của Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã (nếu đối tượng đã phục viên, xuất ngũ); của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý đối tượng (nếu đối tượng chuyên ngành, đang công tác).



Mẫu số 03-CCB  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRÍCH LỤC, GIẢI MÃ ĐƠN VỊ, THỜI GIAN, ĐỊA BÀN  
XẢY RA CHIẾN SỰ TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC**  
(Theo Hướng dẫn số 3386/LC-CTC-CCS ngày 15/11/2012 của liên Cục  
Cục Tác chiến-Cục Chính sách hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2084/QĐ-BTTM)

Kính gửi: Ban Chỉ huy quân sự huyện (quận, thị xã, thành phố):

.....(1)

**I. TỰ KHAI THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên: .....sinh ngày: .....

2. Chứng minh thư hoặc thẻ căn cước công dân: .....  
ngày cấp.....nơi cấp.....

3. Quê quán: .....

4. Nơi cư trú: .....

5. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay .....

..... 6. Điện thoại liên hệ: .....

7. Tôi nhập ngũ sau ngày 30/04/1975. Thuộc đối tượng cựu chiến binh có thời gian trực tiếp chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu, có hồ sơ, giấy tờ khi phục viên, xuất ngũ, chuyên ngành nhưng không ghi rõ thời gian, đơn vị, địa bàn xảy ra chiến sự.

**II. TỰ KHAI QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC TRONG QUÂN ĐỘI <sup>(2)</sup>**

(Từ ngày nhập ngũ, tuyển dụng đến khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành)

Từ tháng năm	Đến tháng năm	Cấp bậc, chức vụ	Đơn vị (c, d, e, f)	Địa bàn công tác (xã, huyện, tỉnh)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

### 3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

Căn cứ Hướng dẫn số 3386/LC-CTC-CCS ngày 15/11/2012 của Liên Cục Tác chiến-Cục Chính sách hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2084/QĐ-BTTM ngày 09/11/2012 của Tổng Tham mưu trưởng về việc ban hành Danh mục địa bàn, thời gian, đơn vị trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30 tháng 04 năm 1975; căn cứ Điều d Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Tôi làm đơn đề nghị Thủ trưởng Ban Chỉ huy quân sự: .....  
....., cấp cho tôi “*Bản trích lục giải mã đơn vị, thời gian, địa bàn xảy ra chiến sự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc sau ngày 30/04/1975*”.

Tôi xin cam đoan nội dung thông tin cá nhân trên hoàn toàn đúng sự thật.

Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

XÁC NHẬN  
CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN <sup>(3)</sup>  
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng .... năm ....  
NGƯỜI LÀM ĐƠN  
(Ký, ghi rõ họ tên)

### **Ghi chú**

- (1) Tên Ban Chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh nơi cư trú;
- (2) Xác nhận của Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã (nếu đối tượng đã phục viên, xuất ngũ); hoặc xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý đối tượng (nếu đối tượng chuyển ngành, đang công tác).

**Mẫu số 04-CCB**  
**BẢN TÍNH HƯỞNG TRỢ CẤP THÔI CÔNG TÁC HỘI CCB**  
*(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 97/HD-CCB)*

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Là Cựu chiến binh thuộc đối tượng (đánh dấu x vào 01 ô tương ứng):
  - a) Đang hưởng lương hưu hàng tháng ;
  - b) Đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng hàng tháng ;
  - c) Đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng ;
4. Chức danh khi thôi công tác Hội: .....
5. Thời gian tham gia công tác Hội để tính trợ cấp thôi công tác Hội được tính từ ngày ...tháng ... năm... đến ngày...tháng... năm..... là:.....năm.....tháng.

**II. TRỢ CẤP THÔI CÔNG TÁC HỘI**

- Lương theo chức danh (hệ số lương x mức lương cơ sở) = (A) đồng;
- Phụ cấp chức vụ (nếu có) = (B) đồng;
- Phụ cấp 5% mức lương tái cử, tái bổ nhiệm (nếu có) = (C) đồng;
- Trợ cấp thôi công tác Hội được nhận là (TCH) đồng

$$\text{Trợ cấp thôi công tác Hội} = \frac{(A + B + C)}{2} \times \text{Số năm công tác}$$

Bằng chữ: .....đồng.

TRƯỞNG BAN  
(HOẶC CÁN BỘ TÀI CHÍNH)  
*(ký, ghi rõ họ và tên)*

.....Ngày tháng năm 20....  
TRƯỞNG BAN  
(HOẶC CÁN BỘ CHÍNH SÁCH)  
*(ký, ghi rõ họ và tên)*

CÁN BỘ NGHỈ CÔNG TÁC HỘI  
*(Nếu đồng ý thì ký, ghi rõ họ và tên)*

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .... /QĐ-CCB

....., ngày tháng năm 20....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hưởng trợ cấp thôi công tác Hội Cựu chiến binh**  
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 97/HD-CCB)

**CHỦ TỊCH HỘI CỰU CHIẾN BINH.....**

*Căn cứ Pháp lệnh Cựu chiến binh ngày 07 tháng 10 năm 2005;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh;*

*Căn cứ thông báo số .... ngày... tháng... năm... của ... về việc đồng chí ... nghỉ công tác Hội Cựu chiến binh từ ngày ... tháng ... năm ...*

*Xét đề nghị của .... tại Tờ trình số ... ngày ... tháng ... năm ....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chuẩn y đồng chí:.....chức vụ: .....  
thôi công tác Hội Cựu chiến binh từ ngày...tháng...năm ....

**Điều 2.** Đồng chí .....được hưởng trợ cấp thôi công tác Hội theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

Số năm tham gia công tác Hội được tính từ ngày ...tháng ... năm... đến ngày...tháng... năm..... là:.....năm.....tháng.

**Điều 3.** Hội Cựu chiến binh và đồng chí .....chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**  
(ký, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như Điều ...;
- Đ/c .....
- Lưu: ....., VT.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KHAI**

**Đề nghị hưởng chế độ mai táng phí khi Cựu chiến binh từ trần**

**1. Phần khai về Cựu chiến binh từ trần**

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... nam/nữ

Quê quán: .....

*Thuộc đối tượng nào dưới đây (đánh dấu x vào ô vuông bên phải):*

- (1) Cựu chiến binh phục viên, xuất ngũ đã được hưởng trợ cấp 01 lần theo một trong các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ; Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ;  
Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ;

- (2) Cựu chiến binh phục viên, xuất ngũ được UBND xã, phường, thị trấn cấp “Giấy xác nhận Cựu chiến binh” theo quy định tại Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ ;

Từ trần ngày ..... tháng ..... năm ..... tại .....

Bản sao “Giấy báo tử” số: ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Hoặc bản “Trích lục khai tử” số: ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Bản sao một trong các giấy tờ xác nhận là Cựu chiến binh, có:

**2. Phần khai của thân nhân nhận mai táng phí**

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... nam ; nữ .

CCCD/CMTND số: ..... ngày cấp.....

nơi cấp .....

Quê quán: .....

Nơi thường trú: .....

Số điện thoại.....

Quan hệ với Cựu chiến binh từ trần là: .....

**3. Phần khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị** (đối với trường hợp Cựu chiến binh từ trần không còn thân nhân; do tổ chức mai táng).

Tên tổ chức: .....

Địa chỉ: .....

Người đại diện theo quy định của pháp luật:

.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... nam/nữ.

Chức vụ: .....

Số điện thoại.....

Khai tại: .....

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., Ngày ... tháng ... năm 20....

**Người khai**<sup>1</sup>  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng**  
**Cơ quan, tổ chức, đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

.....  
.....  
.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
**CHỦ TỊCH**  
(ký tên, đóng dấu)

---

<sup>1</sup> Chủ tịch Hội CCB cấp xã, phường phối hợp Công chức Lao động-Thương binh Xã hội hướng dẫn thân nhân CCB lập bản khai; chuẩn bị giấy tờ kèm theo; đề nghị UBND cấp xã xác nhận bản khai và lập danh sách gửi Phòng LĐTBXH xét duyệt, đề nghị Sở LĐTBXH tỉnh, TP trợ cấp.

# **HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM**

## **PHẦN II**

### **MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ VIỆC HỖ TRỢ HỘI VIÊN HỘI CỰU CHIẾN BINH KHÓ KHĂN**

**QUY ĐỊNH**  
**Về chế độ thăm người ốm, tổ chức Đoàn viếng**  
**người từ trần của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam**

Căn cứ Pháp lệnh Cựu chiến binh Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam khóa VI nhiệm kỳ 2017-2022; theo đề nghị của Ban Tổ chức-Chính sách,

Thường trực Trung ương Hội quy định về chế độ thăm, viếng của Trung ương Hội Cựu chiến binh (CCB) Việt Nam như sau:

**Điều 1. Chế độ thăm hỏi khi ốm đau, tai nạn**

**1.** Cán bộ Hội (đang công tác) dưới đây khi bị ốm đau, tai nạn phải điều trị tại bệnh viện thì được thăm hỏi, tặng quà:

a) Ủy viên Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội CCB Việt Nam (viết tắt là Ủy viên BCHTW Hội), Chủ tịch Hội CCB các tỉnh, thành phố;

b) Ủy viên BCHTW Hội, Chủ tịch Hội CCB các cơ quan Ban, Bộ, ngành Trung ương (gọi tắt là Hội CCB Khối 487 Trung ương).

**2.** Phân công đi thăm và báo tin

a) Thường trực Trung ương Hội thăm cán bộ tại Khoản 1 Điều 1 nếu điều trị tại bệnh viện ở Hà Nội, hoặc thành phố Hồ Chí Minh.

b) Thường trực Trung ương Hội ủy quyền

- Thường trực các tỉnh, thành Hội thăm cán bộ tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 khi điều trị tại bệnh viện ở các địa phương.

- Chủ tịch, phó Chủ tịch Hội CCB Khối 487 Trung ương thăm cán bộ tại Điểm b Khoản 1 Điều 1 khi điều trị tại bệnh viện (cả ở Hà Nội, hoặc thành phố Hồ Chí Minh và địa phương khác).

c) Tỉnh, thành Hội có đối tượng do Thường trực Trung ương Hội đi thăm báo tin về Ban Tổ chức-Chính sách (Phiếu báo tin thăm người ốm- Mẫu số 01).

**3.** Mức quà thăm: 1.000.000 đ/01 lần/01 người.

**Điều 2. Tổ chức Đoàn viếng khi có người từ trần**

**1.** Danh nghĩa đoàn của Ban Chấp hành Trung ương Hội CCB Việt Nam đi viếng các đồng chí sau đây, khi từ trần và tổ chức lễ tang tại thành phố Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh:

a) Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Chủ tịch nước; Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch Quốc Hội (chức danh được tổ chức Lễ Quốc tang; đương chức và thôi giữ chức);



b) Bộ trưởng Quốc phòng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam (đương chức và đã nghỉ hưu);

c) Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (đang công tác);

d) Ủy viên Thường vụ, Ủy viên BCHTW Hội, Chủ tịch Hội CCB tỉnh, thành phố (đang công tác);

đ) Ủy viên Thường vụ, Ủy viên BCHTW Hội, Chủ tịch Hội CCB Khối 487 Trung ương (đang công tác).

**2. Trưởng Đoàn:** 1 đồng chí Thường trực Trung ương Hội; thành viên là một số Ủy viên Thường vụ, Ủy viên BCHTW Hội và một số đồng chí khác do Thường trực Trung ương Hội phân công.

**3. Băng vòng hoa viếng, tiền viếng**

a) Đối với Lễ Quốc tang: Băng vòng hoa vải đỏ, chữ vàng, mang dòng chữ: “*Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam- kính viếng*”.

b) Đối với đối tượng còn lại: Băng vòng hoa vải đen, chữ trắng, mang dòng chữ: “*Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam- kính viếng*”; kèm theo phong bì viếng: 1.000.000 đồng.

**4. Phân công, hiệp đồng**

a) Tổ chức Hội có cán bộ từ trần tại Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều 2 báo tin về Ban Tổ chức-Chính sách (Phiếu báo tin buồn - Mẫu số 02);

b) Ban Tổ chức- Chính sách báo cáo Thường trực Trung ương Hội về kế hoạch tổ chức đoàn viếng; thông báo cho cơ quan Trung ương Hội và các tổ chức Hội liên quan về thành phần tham gia, thời gian, phương tiện, trang phục.

**Điều 3. Thường trực Trung ương Hội ủy quyền tổ chức Đoàn viếng**

**1.** Thường trực Trung ương Hội ủy quyền Thường trực Hội CCB tỉnh, thành phố đi viếng các đồng chí sau đây, khi từ trần, nếu tổ chức lễ tang tại các địa phương:

a) Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam; Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (đang công tác);

b) Ủy viên Thường vụ, Ủy viên BCHTW Hội, Chủ tịch Hội CCB tỉnh, thành phố (đang công tác);

**2. Danh nghĩa đoàn và vòng hoa viếng**

a) Thành lập Đoàn viếng, lấy danh nghĩa đoàn của Ban Chấp hành Trung ương Hội CCB Việt Nam.

b) Tỉnh, thành Hội được ủy quyền chuẩn bị băng vòng hoa viếng, tiền viếng theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 2 nêu trên.

### **3. Phân công trách nhiệm**

a) Ban Tổ chức-Chính sách thông báo ý kiến của Thường trực Trung ương Hội đến Thường trực tỉnh, thành Hội được ủy quyền.

b) Tỉnh, thành Hội được ủy quyền thành lập Đoàn viếng: Trưởng Đoàn là 1 đồng chí Ủy viên Thường vụ BCH tỉnh, thành Hội- Chủ tịch Hội CCB tỉnh, thành phố; thành viên là ủy viên BCH Hội CCB tỉnh, thành phố và một số đồng chí khác do Trưởng đoàn phân công.

### **Điều 4. Kinh phí đảm bảo**

1. Kinh phí thực hiện chế độ thăm hỏi khi ốm đau, tại nạn và tổ chức Đoàn viếng người từ trần do Thường trực Trung ương Hội đi thăm, viếng được chi và quyết toán từ nguồn hội phí do Trung ương Hội quản lý.

2. Tỉnh, thành Hội được ủy quyền thực hiện chế độ thăm hỏi (tại Điều 1) và được ủy quyền tổ chức Đoàn viếng (tại Điều 3) được chi và quyết toán từ nguồn hội phí (trích trong số phải nộp theo quy định về Trung ương Hội).

3. Hội CCB Khối 487 ở Trung ương được ủy quyền thực hiện chế độ thăm hỏi (tại Điều 1) được chi từ nguồn hội phí (trích trong số phải nộp theo quy định về Trung ương Hội). Trường hợp không đủ nguồn chi, gửi chứng từ về Trung ương Hội (qua Ban Tổ chức- Chính sách) để được thanh toán.

### **Điều 5. Hiệu lực thi hành và Tổ chức thực hiện**

1. Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018 và thay thế Quy định số 163/QĐ-CCB ngày 22/4/2013 của Thường trực Trung ương Hội CCB Việt Nam.

2. Ban Tổ chức-Chính sách chủ trì phối hợp Văn phòng giúp Thường trực Trung ương Hội theo dõi, quản lý thống nhất việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách theo Quy định này.

3. Các cơ quan chức năng của Trung ương Hội; Hội CCB các tỉnh, thành phố; Hội CCB Khối 487 ở Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Được**

Số: 1162/QĐ-CCB

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc trợ giúp đột xuất hội viên Hội Cựu chiến binh**  
**Việt Nam khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn**

**CHỦ TỊCH HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM**

Căn cứ Pháp lệnh Cựu chiến binh Việt Nam ngày 07 tháng 10 năm 2005;  
Căn cứ Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam nhiệm kỳ 2017-2022;  
Căn cứ Thông báo số 62/CCB-TCCS ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam về kế hoạch sử dụng các quỹ Hội năm 2022;  
Theo đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức-Chính sách,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Văn bản này quy định trợ giúp đột xuất đối với hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn; bị thương nặng; hoặc bị chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn (sau đây viết tắt là hội viên có khó khăn).

**Điều 2. Quan điểm, nguyên tắc trợ giúp đột xuất**

1. Người dân có khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn (nói chung) được Nhà nước trợ giúp theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

2. Trợ giúp hội viên có khó khăn quy định tại Quyết định này là hoạt động tình nghĩa để hội viên tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ các cấp Hội theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Pháp lệnh Cựu chiến binh;

3. Mức trợ giúp theo quy định tại Quyết định này được thay đổi tùy thuộc khả năng tài chính của quỹ Hội và do Thường trực Trung ương Hội CCB Việt Nam (sau đây viết tắt là Trung ương Hội) quyết định.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ<sup>1</sup>**

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường gây thiệt hại về người, tài sản, bao gồm: bão, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sụt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên; rét hại, mưa đá, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác;

1. Giải thích từ ngữ tại Điều 3 Quyết định này căn cứ Điều 2 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

2. Sự kiện bất khả kháng khác là sự kiện xảy ra khách quan không thể lường trước được, dẫn đến hậu quả gây thiệt hại về người và tài sản.

3. Nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn là thiệt hại mức độ nghiêm trọng, phải cứu trợ xã hội khẩn cấp; nhà ở phải xây dựng mới hoàn toàn;

4. Bị thương nặng do thiên tai, hỏa hoạn là bị thương dẫn đến phải đi cấp cứu và điều trị tại cơ sở y tế từ 03 ngày trở lên;

#### **Điều 4. Đối tượng và mức trợ giúp**

1. Hộ gia đình hội viên có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn. Trợ giúp đối với hội viên: 5.000.000 đồng/trường hợp;

2. Hội viên bị chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn: 3.000.000 đồng/trường hợp;

Người nhận trợ giúp là vợ (hoặc chồng) của hội viên; trường hợp cả vợ và chồng bị chết, mất tích thì một trong những người sau đây nhận tiền trợ giúp: Con đẻ, hoặc mẹ đẻ, hoặc bố đẻ của hội viên;

3. Hội viên bị thương nặng do thiên tai, hỏa hoạn. Trợ giúp mức: 2.000.000 đồng/trường hợp;

4. Trường hợp thiên tai, hỏa hoạn hoặc sự kiện bất khả kháng khác gây hậu quả nghiêm trọng, hội viên có cả vợ (hoặc chồng); con đẻ, mẹ đẻ, hoặc bố đẻ bị chết, mất tích (nhiều người). Mức trợ giúp do Thường trực Trung ương Hội quyết định.

#### **Điều 5. Hồ sơ đề nghị**

1. Tờ khai hội viên Hội CCB Việt Nam có khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn (Mẫu số 01-kk/CCB);

2. Tờ trình đề nghị trợ giúp đột xuất hội viên Hội CCB Việt Nam có khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn (Mẫu số 02-kk/CCB);

3. Phiếu giao nhận tiền trợ giúp đột xuất hội viên Hội CCB Việt Nam có khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn (Mẫu số 03-kk/CCB);

4. Quyết định của Trung ương Hội về việc trợ giúp đột xuất hội viên Hội CCB Việt Nam có khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn (Mẫu số 04-kk/CCB);

#### **Điều 6. Trình tự, thủ tục thực hiện**

##### **1. Bước 1, Lập hồ sơ đề nghị**

a) Chi Hội trưởng ở thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố: Trực tiếp hướng dẫn và giúp hội viên (hoặc thân nhân) lập Tờ khai (theo mẫu); báo cáo Chủ tịch Hội CCB xã, phường, thị trấn (cấp xã);

b) Chủ tịch Hội CCB cấp xã: Kiểm tra tính chính xác tại nội dung Tờ khai; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận Tờ khai; gửi công văn đề nghị và Tờ khai về Hội CCB huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (cấp huyện);

c) Hội CCB cấp huyện: Gửi công văn đề nghị và Tờ khai về Hội CCB tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh);

d) Hội CCB cấp tỉnh: Gửi Tờ trình đề nghị trợ giúp đột xuất hội viên có khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn (Mẫu số 02-kk/CCB) và Tờ khai về Trung ương Hội (qua Ban Tổ chức-Chính sách). Địa chỉ: Số 34 Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội;

Báo cáo nhanh qua Email: [hoiccb34bantccs@gmail.com](mailto:hoiccb34bantccs@gmail.com);

## **2. Bước 2, Ban hành quyết định và chuyển tiền trợ giúp tới hội viên**

a) Trung ương Hội xét, quyết định hỗ trợ hội viên có khó khăn theo đợt vào tuần đầu hàng tháng, hoặc tuần đầu hàng quý (tùy thuộc số lượng hồ sơ đề nghị).

b) Sau khi nhận được tiền trợ giúp do trên cấp; Hội CCB cấp xã tổ chức thăm hỏi và chuyển tiền trợ giúp của Trung ương Hội tới gia đình hội viên;

## **3. Bước 3, lưu giữ hồ sơ trợ giúp hội viên khó khăn**

a) Hồ sơ trợ giúp hội viên khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn được lưu giữ tại Hội CCB cấp xã; cấp huyện và cấp tỉnh mỗi nơi 01 bộ;

b) Phiếu giao nhận tiền hỗ trợ (Mẫu số 03-kk/CCB) là chứng từ, được lưu giữ tại Hội CCB cấp huyện; cấp xã, chi Hội và gia đình hội viên, mỗi nơi 01 bản;

## **Điều 7. Kinh phí thực hiện**

1. Từ nguồn Quỹ “Nghĩa tình Cựu chiến binh Việt Nam” và nguồn thu hợp pháp khác của Trung ương Hội;

2. Trường hợp Hội CCB cấp tỉnh cấp ứng kinh phí để chuyển tiền trợ giúp sớm hơn đến hội viên thì sẽ hoàn ứng kinh phí từ nguồn do Trung ương Hội cấp;

## **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. Bãi bỏ Công văn số 228/CCB-TCCS ngày 02/07/2018 của Trung ương Hội về việc các cấp Hội tham gia khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra;

2. Ban Tổ chức-Chính sách, Trung ương Hội triển khai thực hiện Quyết định;

3. Hội CCB cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quyết định đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; không để xảy ra sai sót, tiêu cực.

4. Các Ban, Văn phòng, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội; cán bộ Hội CCB các cấp và hội viên Hội CCB Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Đước**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**HỘI VIÊN HỘI CCB VIỆT NAM KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI, HỎA HOẠN**  
(Mẫu ban hành kèm theo Quyết định số: 1162/QĐ-CCB ngày 22/12/2021)

**1. THÔNG TIN VỀ HỘI VIÊN HỘI CCB CÓ KHÓ KHĂN**

Họ và tên: ..... Năm sinh ..... Nam/Nữ

Địa chỉ thường trú: .....

Hội viên thuộc đối tượng nào sau đây: CCB tham gia k/c chống Pháp ; chống Mỹ ;  
BVTQ, làm NVQT sau ngày 30/04/1975 ; hội viên Hội CCB là Cựu quân nhân ;

**2. THÔNG TIN VỀ THÂN NHÂN CỦA HỘI VIÊN**

Họ và tên: ..... năm sinh .....

Địa chỉ thường trú: .....

Thân nhân của hội viên thuộc đối tượng nào sau đây: Là vợ: ; chồng ; con đẻ ;  
mẹ đẻ ; bố đẻ

**THÂN NHÂN CỦA HỘI VIÊN**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**CHI HỘI TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**XÁC NHẬN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ<sup>1</sup>**

.....  
.....  
.....  
.....

**TM. BCH HỘI CỰU CHIẾN BINH**  
**CHỦ TỊCH**  
(ký, đóng dấu)

....., ngày tháng năm 202...  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
(ký, đóng dấu)

<sup>1</sup> Xem nội dung xác nhận tại mặt sau Tờ khai này.

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM  
HỘI CCB .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: \_\_\_\_\_ /CCB

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị trợ giúp hội viên Hội CCB khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn**  
(Mẫu ban hành kèm theo QĐ số 1162/QĐ-CCB ngày 22 /12/2021)

Tên đơn vị lập Tờ trình:.....

Họ và tên người lập Tờ trình: .....

Số điện thoại (bàn):.....; di động: .....

Email (của Hội CCB hoặc người b/c):.....

**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ**

Hội viên là CCB tham gia K/C chống Pháp: người; chống Mỹ: người;

BVTQ, làm NVQT sau ngày 30/04/1975: người; Hội viên là Cựu quân nhân: người;

Đối tượng 1: Hội viên có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn: người;

Đối tượng 2: Hội viên bị chết, mất tích: người.

Đối tượng 3: Hội viên bị thương nặng: người;

Tờ khai hội viên khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn (gửi kèm theo) là: bản;

**Danh sách hội viên có khó khăn đề nghị trợ giúp như sau:**

Số TT	Họ và tên hội viên; năm sinh	Lý do đề nghị trợ giúp	Là đối tượng	Địa chỉ thường trú (cấp xã, huyện, tỉnh)
01				
02				
03				
04				
	...			

**NGƯỜI LẬP DANH SÁCH**  
(ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 202...  
**CHỦ TỊCH**  
(ký, đóng dấu)

MẪU SỐ 03-cv/CCB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**PHIẾU GIAO, NHẬN TIỀN TRỢ GIÚP ĐỘT XUẤT**  
**Hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn**  
(Mẫu ban hành kèm theo Quyết định số: 1162/QĐ-CCB ngày 22/12/2021)

**1. THÔNG TIN VỀ HỘI VIÊN HỘI CỰU CHIẾN BINH**

Họ và tên: ..... Năm sinh ..... Nam/Nữ

Địa chỉ thường trú: .....

Lý do trợ giúp đột xuất: Hội viên có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn ;  
hội viên bị thương nặng phải điều trị tại cơ sở y tế ; hội viên bị chết, mất tích ;

**2. THÔNG TIN VỀ THÂN NHÂN**

Họ và tên: ..... năm sinh .....

Địa chỉ thường trú: .....

Thân nhân của hội viên (người nhận tiền hỗ trợ) thuộc đối tượng nào sau đây:

Là: Vợ: ; Chồng ; Con đẻ ; Mẹ đẻ ; Bố đẻ

**XÁC NHẬN ĐÃ GIAO, NHẬN TIỀN HỖ TRỢ<sup>1</sup>**

Họ và tên, chức danh người giao tiền: .....

.....

Họ và tên thân nhân (người nhận tiền hỗ trợ): .....

.....

Số tiền đã nhận: .....bằng chữ: .....

**NGƯỜI NHẬN TIỀN HỖ TRỢ**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**CHI HỘI TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 202....  
**TM. BCH HỘI CỰU CHIẾN BINH**  
**CHỦ TỊCH**  
(ký, đóng dấu)

<sup>1</sup> Phiếu giao nhận tiền là chứng từ lưu cùng hồ sơ; Hội CCB cấp xã photocopy thêm 02 bản trước khi đóng dấu. Hội CCB cấp xã; chi Hội và thân nhân mỗi nơi lưu/01 bản.



Số: 1163/QĐ-CCB

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc hỗ trợ hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam**  
**từ trần do Covid-19**

**CHỦ TỊCH HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM**

Căn cứ Pháp lệnh Cựu chiến binh Việt Nam ngày 07 tháng 10 năm 2005;  
Căn cứ Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam khóa VI, nhiệm kỳ 2017-2022;  
Căn cứ Thông báo số 62/CCB-TCCS ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam về kế hoạch sử dụng các quỹ Hội năm 2022;  
Theo đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức-Chính sách,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Đối tượng và mức hỗ trợ**

1. Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam hỗ trợ hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam (sau đây viết tắt là hội viên) từ trần do Covid-19. Đối tượng nhận hỗ trợ là:

- a) Vợ (hoặc chồng) của hội viên từ trần do Covid-19;
- b) Trường hợp cả vợ và chồng hội viên đã từ trần, thì một trong những thân nhân theo thứ tự sau đây nhận tiền hỗ trợ: Con đẻ, hoặc mẹ đẻ, hoặc bố đẻ.

2. Mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/trường hợp;

3. Phương thức: Hỗ trợ tiền mặt, chi trả 01 lần cho thân nhân;

4. Trường hợp thay đổi mức hỗ trợ do Thường trực Trung ương Hội quyết định;

**Điều 2. Hồ sơ thực hiện**

1. Tờ khai hội viên từ trần do Covid-19 (Mẫu số 01-cv/CCB);
2. Tờ trình đề nghị hỗ trợ hội viên từ trần do Covid-19 (Mẫu số 02-cv/CCB);
3. Phiếu giao nhận tiền hỗ trợ hội viên từ trần do Covid-19 (Mẫu số 03-cv/CCB);
4. Quyết định của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam về việc hỗ trợ hội viên từ trần do Covid-19 (Mẫu số 04-cv/CCB);

### **Điều 3. Trình tự, thủ tục thực hiện**

#### **1. Bước 1, Lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ hội viên từ trần do Covid-19**

a) Chi Hội trưởng ở thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố: Trực tiếp hướng dẫn và giúp thân nhân lập Tờ khai hội viên từ trần do Covid-19 (mẫu số 01-cv/CCB); báo cáo Chủ tịch Hội CCB xã, phường, thị trấn (cấp xã);

b) Hội CCB cấp xã: Kiểm tra nội dung Tờ khai; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận Tờ khai; gửi công văn đề nghị và Tờ khai về Hội CCB huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (cấp huyện);

c) Hội CCB cấp huyện: Gửi công văn đề nghị và Tờ khai về Hội CCB tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh);

d) Hội CCB cấp tỉnh:

- Gửi Tờ trình đề nghị hỗ trợ hội viên từ trần do Covid-19 (Mẫu số 02-cv/CCB) về Trung ương Hội CCB Việt Nam (qua Ban Tổ chức-Chính sách). Địa chỉ: số 34 Lý Nam Đế, Hà Nội. Báo cáo theo đợt vào ngày 25 hàng tháng (không gửi Tờ khai);

- Gửi báo cáo nhanh (Tờ trình) qua Email: [hoiccb34bantccs@gmail.com](mailto:hoiccb34bantccs@gmail.com);

#### **2. Bước 2, Ban hành Quyết định và chuyển tiền hỗ trợ tới thân nhân**

a) Trung ương Hội xét, quyết định hỗ trợ hội viên từ trần do Covid-19 theo đợt vào tuần đầu hàng tháng, hoặc tuần đầu hàng quý (tùy thuộc số lượng hồ sơ đề nghị);

b) Sau khi nhận được tiền trên cấp, Hội CCB cấp xã tổ chức chuyển tiền hỗ trợ tới thân nhân đảm bảo phù hợp thực tế công tác phòng chống dịch bệnh tại địa phương;

#### **3. Bước 3, Lưu giữ hồ sơ thực hiện hỗ trợ**

a) Hồ sơ hỗ trợ hội viên từ trần do Covid-19 được lưu giữ tại Hội CCB cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh mỗi nơi 01 bộ.

b) Phiếu giao, nhận tiền hỗ trợ (Mẫu số 03-cv/CCB) là chứng từ; được lưu giữ cùng hồ sơ tại Hội CCB cấp huyện; cấp xã; chi Hội và thân nhân mỗi nơi 01 bản;

### **Điều 4. Kinh phí thực hiện**

1. Từ nguồn vận động “Chương trình hỗ trợ triệu phần quà Đại đoàn kết tiếp sức đồng bào và hội viên Hội Cựu chiến binh vượt qua đại dịch Covid-19” của Trung ương Hội;

2. Trường hợp Hội CCB cấp tỉnh cấp ứng tiền hỗ trợ để Hội CCB cấp xã chuyển tiền hỗ trợ sớm hơn đến thân nhân thì sẽ hoàn ứng kinh phí từ nguồn do Trung ương Hội cấp.

## **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
2. Hỗ trợ hội viên từ trần do Covid-19 theo quy định tại Quyết định này: Đợt 1 xét, quyết định vào tháng 01 năm 2022 cho đến khi Trung ương Hội có thông báo dừng;
3. Quyết định này thay thế Quyết định số 1057/QĐ-CCB ngày 08 tháng 09 năm 2021 của Trung ương Hội về việc hỗ trợ hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam từ trần do Covid-19; bãi bỏ Công văn số 58/CCB-TCCS ngày 16 tháng 09 năm 2021 và Công văn số 79/CCB-TCCS ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Ban Tổ chức-Chính sách hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục thực hiện Quyết định số 1057/QĐ-CCB.

## **Điều 6. Trách nhiệm thi hành**

1. Ban Tổ chức-Chính sách, Trung ương Hội chủ trì phối hợp Ban Tài chính, Trung ương Hội tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.
2. Hội CCB tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm
  - a) Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định; kiểm tra việc thực hiện chế độ hỗ trợ đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; không để xảy ra sai sót, tiêu cực;
  - b) Khuyến khích Hội CCB các cấp; các tổ chức, cá nhân hỗ trợ vật chất, tinh thần đối với thân nhân hội viên từ trần do Covid-19 có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;
3. Hội CCB thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở Trung ương:
  - a) Chỉ đạo, hướng dẫn Hội CCB cấp dưới triển khai thực hiện Quyết định;
  - b) Trường hợp có hội viên từ trần do dịch bệnh Covid-19, báo cáo hồ sơ đề nghị về Trung ương Hội (qua Ban Tổ chức-Chính sách) để được hỗ trợ.
4. Các Ban, Văn phòng, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội; cán bộ Hội CCB các cấp và hội viên Hội CCB Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Đước**

**MẪU SỐ 01-cv/CCB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

---

**TỜ KHAI**  
**HỘI VIÊN HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM TỪ TRẦN DO COVID-19**  
(Mẫu ban hành kèm theo Quyết định số: 1163/QĐ-CCB ngày 22/12/2021)

**1. THÔNG TIN VỀ HỘI VIÊN HỘI CCB TỪ TRẦN**

Họ và tên: ..... Năm sinh ..... Nam/Nữ

Địa chỉ thường trú: .....

Hội viên thuộc đối tượng nào sau đây: Tham gia K/C chống Pháp ; chống Mỹ ;  
BVTQ, làm NVQT sau ngày 30/04/1975 ; Hội viên là Cựu quân nhân ;

Từ trần do Covid-19, ngày ..... tháng ..... năm 202....;

**2. THÔNG TIN VỀ THÂN NHÂN**

Họ và tên: ..... năm sinh .....

Địa chỉ thường trú: .....

Thân nhân (người nhận tiền hỗ trợ) quan hệ với hội viên thuộc đối tượng nào sau đây:

Là: Vợ: ; Chồng ; Con đẻ ; Mẹ đẻ ; Bố đẻ

**THÂN NHÂN CỦA HỘI VIÊN**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**CHI HỘI TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**XÁC NHẬN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ<sup>1</sup>**

.....  
.....  
.....

**TM. BCH HỘI CỰU CHIẾN BINH**  
**CHỦ TỊCH**  
(ký, đóng dấu)

....., ngày tháng năm 202...  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
(ký, đóng dấu)

---

<sup>1</sup> Tờ khai lưu giữ tại Chi Hội; Hội CCB cấp xã; cấp huyện và cấp tỉnh mỗi nơi/01 bản. Hội CCB cấp xã trình Chủ tịch UBND cấp xã ký; photo thêm 03 bản trước khi đóng dấu;

**TỜ TRÌNH**  
**Đề nghị hỗ trợ hội viên Hội CCB Việt Nam từ trần do Covid-19**  
*(Mẫu ban hành kèm theo QĐ số: 1163/QĐ-CCB ngày 22 /12/2021)*

Tên đơn vị trình:.....  
 Họ và tên người lập tờ trình:.....  
 Số điện thoại (bàn):.....; di động: .....  
 Email (của Hội CCB hoặc người b/c):.....

**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ**

Tổng số hội viên từ trần do Covid-19: .....người. Trong đó:  
 Hội viên là CCB tham gia K/C chống Pháp:      người; chống Mỹ:      người;  
 BVTQ, làm NVQT sau ngày 30/04/1975:      người; Hội viên là Cựu quân nhân:      người;  
 Tờ khai hội viên từ trần do Covid-19 (gửi kèm theo) là:      bản;

**Danh sách hội viên từ trần do Covid-19 (Đợt...../202.....) như sau <sup>1</sup>:**

Số TT	Họ và tên hội viên; năm sinh	Thời gian từ trần	Là đối tượng	Địa chỉ thường trú (cấp xã, huyện, tỉnh)
01				
02				
03				
04				
	...			

**NGƯỜI LẬP TỜ TRÌNH**  
*(Ghi rõ họ và tên)*

....., ngày tháng năm 202...  
**CHỦ TỊCH**  
*(ký, đóng dấu)*

<sup>1</sup> Trung ương Hội xét, quyết định hỗ trợ hội viên từ trần do Covid-19 theo đợt, vào tuần 01 hàng tháng dương lịch; số thứ tự từng đợt do Trung ương Hội quy định;

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**PHIẾU GIAO, NHẬN TIỀN HỖ TRỢ**

**Hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam từ trần do Covid-19**  
(Mẫu ban hành kèm theo Quyết định số: 1163 /QĐ-CCB ngày 22/12/2021)

**1. THÔNG TIN VỀ HỘI VIÊN HỘI CCB TỪ TRẦN**

Họ và tên: ..... Năm sinh ..... Nam/Nữ

Địa chỉ thường trú: .....

**2. THÔNG TIN VỀ THÂN NHÂN**

Họ và tên: ..... năm sinh .....

Thân nhân của hội viên (người nhận tiền hỗ trợ) thuộc đối tượng nào sau đây:

Là: Vợ: ; Chồng ; Con đẻ ; Mẹ đẻ ; Bố đẻ

**XÁC NHẬN ĐÃ GIAO, NHẬN TIỀN HỖ TRỢ<sup>1</sup>**

Họ và tên, chức danh người giao tiền: .....

Họ và tên thân nhân (người nhận tiền hỗ trợ): .....

Số tiền đã nhận: .....đồng; bằng chữ: .....

**NGƯỜI NHẬN TIỀN HỖ TRỢ**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**CHI HỘI TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 202....  
**TM. BCH HỘI CỰU CHIẾN BINH**  
**CHỦ TỊCH**  
(ký, đóng dấu)

<sup>1</sup> Phiếu giao nhận tiền là chứng từ quyết toán; Hội CCB cấp huyện; cấp xã; chi Hội và thân nhân, mỗi nơi lưu/01 bản. Hội CCB cấp xã photo thêm 03 bản trước khi đóng dấu.

Số 165/CCB

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2022

V/v Tạm dừng thực hiện hỗ trợ đối với  
hội viên Hội CCB có khó khăn và  
hội viên Hội CB từ trần do Covid-19

Kính gửi: Hội CCB các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 1057/QĐ-CCB ngày 08/09/2021 và Quyết định số 1163/QĐ-CCB ngày 22/12/2021 của Trung ương Hội CCB Việt Nam về việc trợ cấp cho hội viên Hội CCB từ trần do Covid-19. Từ tháng 09/2021 đến nay, Trung ương Hội đã thực hiện **08** đợt hỗ trợ về Hội CCB tỉnh, thành phố; cấp **2 tỷ 920** triệu đồng để hỗ trợ **1.460** hội viên từ trần do Covid-19;

Thực hiện Lời kêu gọi của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam; từ tháng 12/2021 đến nay, Trung ương Hội đã thực hiện **04** đợt hỗ trợ “Chương trình triệu phần quà”; cấp cho **32** Hội CCB tỉnh, thành phố **4 tỷ 695** triệu đồng, tương đương **15.650** phần quà (300.000 đồng/01 phần quà) để hỗ trợ hội viên khó khăn do Covid-19;

Việc hỗ trợ đối với hội viên khó khăn thể hiện tình cảm, trách nhiệm của Hội CCB; là việc làm có ý nghĩa nhân văn, phù hợp, đạt hiệu quả thiết thực;

Tuy vậy, thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành “Quy định tạm thời, thích ứng linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”; theo đó, một số chính sách của Nhà nước và các địa phương trợ giúp người dân khó khăn do dịch bệnh Covid-19 cơ bản đã thực hiện xong. Thông báo của Bộ Y tế cho thấy, hiện nay số ca nặng, số ca tử vong do Covid-19 đã giảm mạnh ở cả nước;

Sau khi xem xét thực tế và đề nghị của Cơ quan thường trực Ban quản lý các Quỹ Hội. Thường trực Trung ương Hội CCB Việt Nam kết luận như sau:

**1.** Tạm dừng thực hiện “Chương trình triệu phần quà” hỗ trợ hội viên có khó khăn và tạm dừng thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-CCB ngày 22/12/2021 của Trung ương Hội về hội viên Hội CCB từ trần do Covid-19.

Thời gian tạm dừng từ ngày 01/07/2022 cho đến khi có thông báo mới.

## 2. Giao cho Hội CCB tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Chỉ đạo Hội CCB các cấp tổ chức rà soát; nếu còn hội viên chết do Covid-19 từ trước, đến nay chưa được trợ cấp (còn tồn sót) thì lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại Quyết định số 1163/QĐ-CCB;

Thời gian Hội CCB tỉnh, thành phố báo cáo về Trung ương Hội (qua Ban Tổ chức-Chính sách) trước ngày 30/06/2022 để xét trợ cấp hội viên chết do Covid-19 lần cuối, trước khi tạm dừng;

b) Từ ngày 01/07/2022 trở đi, nếu có hội viên Hội CCB khó khăn, hoặc từ trần do Covid-19, Hội CCB cơ sở đề nghị hỗ trợ theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương; hoặc Hội CCB hỗ trợ từ nguồn vận động tại chỗ (nếu có);

3. Ban Tổ chức-Chính sách chủ trì theo dõi diễn biến dịch bệnh; tổng hợp báo cáo của Hội CCB tỉnh, thành phố; phối hợp với Ban Tài chính trình Thường trực Trung ương Hội xem xét, quyết định hỗ trợ khi có dịch bệnh Covid-19 biến chủng mới hoặc có dịch bệnh bùng phát, phát sinh nhiều trường hợp hội viên Hội CCB có khó khăn, hoặc từ trần do dịch bệnh./.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*(đã ký)*

**Phạm Hồng Hương**